Chi tiết mã HS 8457.10.90

Mã HS	8457.10.90
Mô tả hàng hóa	Trung tâm gia công, máy kết cấu nguyên khối (một vị trí gia công) và máy gia công chuyển dịch đa vị trí để gia công kim loại / - Trung tâm gia công: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 10:57:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84571090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14090
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14090
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14090
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13419
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13360
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13360
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13360
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13360
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13360
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13360
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13414
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13414
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13414

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13414
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13414
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13414
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13415
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13415
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13415
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13415
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13415
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13415
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13418
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13366
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13374
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13374
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13374
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13374
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13374
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13374
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13405
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13405
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13405
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13405
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13405
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13405
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13454
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13454
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13454

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13454
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13454
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13454
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13437
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13437
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13437
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13437
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13437
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13437
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13437
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13437
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13437
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13437
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13437
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13437
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13452
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13452
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13452
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13452
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13452
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13452
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13451
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13451
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13451
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13451
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13451

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13451
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13431
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13431
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13431
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13431
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13431
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13431
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13431
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13439
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13439
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13439
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13439
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13439
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13439
RCEP B	2022	2022	0	B!D13439
RCEP B	2023	2023	0	B!E13439
RCEP B	2024	2024	0	B!F13439
RCEP B	2025	2025	0	B!G13439
RCEP B	2026	2026	0	B!H13439
RCEP B	2027	2027	0	B!I13439
RCEP C	2022	2022	0	C!D13439
RCEP C	2023	2023	0	C!E13439
RCEP C	2024	2024	0	C!F13439
RCEP C	2025	2025	0	C!G13439
RCEP C	2026	2026	0	C!H13439
RCEP C	2027	2027	0	C!I13439

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13438
RCEP D	2023	2023	0	D!E13438
RCEP D	2024	2024	0	D!F13438
RCEP D	2025	2025	0	D!G13438
RCEP D	2026	2026	0	D!H13438
RCEP D	2027	2027	0	D!I13438
RCEP E	2022	2022	0	E!D13442
RCEP E	2023	2023	0	E!E13442
RCEP E	2024	2024	0	E!F13442
RCEP E	2025	2025	0	E!G13442
RCEP E	2026	2026	0	E!H13442
RCEP E	2027	2027	0	E!I13442
RCEP F	2022	2022	0	F!D13439
RCEP F	2023	2023	0	F!E13439
RCEP F	2024	2024	0	F!F13439
RCEP F	2025	2025	0	F!G13439
RCEP F	2026	2026	0	F!H13439
RCEP F	2027	2027	0	F!I13439
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12468
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12468
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12468
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12468

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8457.10 có 2 dòng thuế; dòng 8457.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8457.10.10 Của loại có công suất trục (spindle power) không quá 4 kW	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8457.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8457.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14090), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.